



Bản tin CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Bản tin của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam Số 2 - Quý II/2018

TIN TRUNG ƯƠNG



Nguồn ảnh: VNFF

Tham vấn nội dung dịch vụ môi trường rừng và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp

Nội dung chính

- 4 Người dân Đé Xu Phình háo hức chờ đợi nhận tiền Chi trả dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng.
- 9 Các văn bản liên quan đến thực thi chính sách Chi trả dịch vụ môi trường rừng
- 10 Sơn la tiên phong xây dựng và thí điểm thực hiện hệ thống theo dõi giám sát, đánh giá
- 16 Hội thi "Tìm hiểu về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng" tại Nghệ An
- 17 Chi trả dịch vụ dịch vụ hệ sinh thái tại Costa Rica
- 19 Hiện thực hóa việc bán tín chỉ cac-bon



Nguồn ảnh: VNFF

Tham vấn nội dung dịch vụ môi trường rừng và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp



Ngày 26/6, Tổng cục Lâm nghiệp, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng (BV&PTR) Việt Nam phối hợp Hội chủ rừng Việt Nam với sự tài trợ của Đại sứ quán Phần Lan thông qua Tổ chức ActionAid Việt Nam (AAV) tổ chức Hội thảo “Tham vấn dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp phần Dịch vụ môi trường rừng và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng”. Ông Nguyễn Bá Ngãi – Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, ông Hứa Đức Nhị – Chủ tịch Hội chủ rừng Việt Nam, ông Steffen Johnsen – Cố vấn trưởng dự án PFG, AAV đồng chủ trì hội thảo.

Có gần 100 đại biểu tới tham dự đến từ các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), Tổng cục Lâm nghiệp, Hội chủ rừng Việt Nam, Quỹ BV&PTR Việt Nam... , Quỹ BV&PTR của 10 tỉnh, thành phố; đại diện các chủ rừng thuộc vùng dự án của AAV (Lâm Đồng, Cao Bằng), Hội chủ rừng (Sơn La); đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam (GIZ, VFD, JICA, PANNAT-URE...), các chuyên gia, tư vấn, các cơ quan, đơn vị liên quan và các cơ quan, báo chí, truyền thông.

Hội thảo nhằm tham vấn ý kiến những bên liên quan đặc biệt là các chủ rừng – những người đang tham gia, thực hiện chính sách tại địa phương góp ý trực tiếp cho nội dung dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) và Quỹ BV&PTR trong dự thảo lần 2 của Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp nói chung và những khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ tại thực tiễn địa phương nói riêng.

Luật Lâm nghiệp được Quốc hội khoá XIV kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15/11/2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và giao Chính phủ quy định chi tiết một số điều, trong đó có nội dung về chi trả DVMTR và Quỹ BV&PTR. Trong dự thảo lần 2 của Nghị định, nội dung DVMTR và Quỹ BV&PTR được quy định tại Chương 6 gồm 8 mục, 30 Điều (từ

Điều 72 đến Điều 101). Đến nay, đã có 11 văn bản góp ý được gửi về, tập trung vào các nhóm vấn đề: (i) Đối tượng được chi trả, đối tượng phải chi trả tiền DVMTR; (ii) Hình thức chi trả, mức chi trả và xác định số tiền chi trả DVMTR; (iii) Xác định diện tích và xây dựng bản đồ chi trả; (iv) Quản lý sử dụng tiền chi trả DVMTR; (v) Tạm ứng, thanh toán, quyết toán và miễn giảm; (vi) Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của Quỹ BV&PTR; và (vii) Quản lý các chương trình, các dự án và phi dự án được Quỹ hỗ trợ.

Tại Hội thảo, Hội chủ rừng Việt Nam, Tổ chức ActionAid đã trình bày tham luận cùng với nhiều góp ý của đại biểu địa phương cho dự thảo Nghị định. Đại diện chủ rừng đến từ Cao Bằng, Sơn La cũng bày tỏ những thắc mắc, khó khăn trong quá trình nhận, quản lý, sử dụng tiền DVMTR và đã được tháo gỡ.

Ngoài ra, tại Hội thảo, nội dung về DVMTR trong hấp thụ và lưu trữ cac-bon của rừng đối với các đối tượng gây phát thải khí nhà kính lớn, thực hiện chi trả tiền DVMTR thông qua tài khoản ngân hàng cũng được gợi ý đưa ra để các đại biểu trao đổi, thảo luận thêm.

Các báo cáo trình bày, góp ý, thảo luận tại Hội thảo sẽ được Tổng cục Lâm nghiệp cân nhắc, xem xét tiếp thu, giải trình, tiếp tục hoàn thiện nội dung DVMTR và Quỹ BV&PTR đưa vào dự thảo Nghị định báo cáo Bộ NN&PTNT.



ƯƠM mầm xanh

vì cuộc sống tươi đẹp



Nhận thức được ý nghĩa to lớn của rừng đối với cuộc sống con người thông qua lời dạy của Bác Hồ kính yêu “Rừng là vàng, nếu mình biết bảo vệ, xây dựng thì rừng rất quý”, ngày 21/5, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam phối hợp với Bảo tàng tài nguyên rừng Việt Nam, Vườn quốc gia Ba Vì và ban giám hiệu nhà trường Phổ thông dân tộc nội trú Ba Vì tổ chức chương trình truyền thông học sinh “Chung tay bảo vệ rừng – Vì tương lai Xanh Việt Nam” cho các em học sinh sống trong vùng đệm Vườn quốc gia Ba Vì với thông điệp “Hãy yêu quý và bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường để trái đất của chúng ta mãi là hành tinh xanh”.

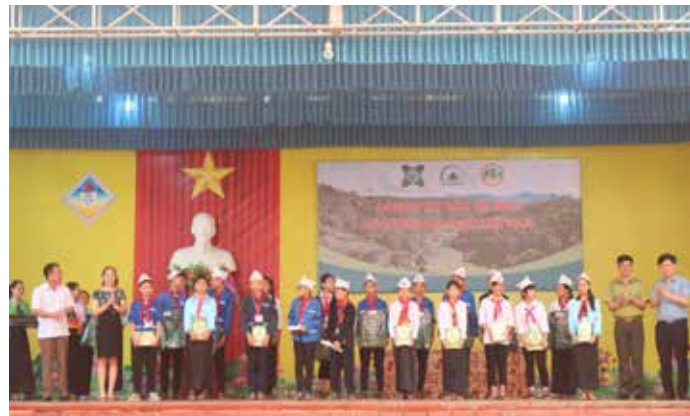
Chương trình là dịp để tuyên truyền, giáo dục đến các em học sinh cả nam và nữ- những mầm non tương lai của đất nước bằng hành động thiết thực của mình, góp sức nhỏ của mình trong công cuộc cải tạo, bảo vệ rừng và môi trường, từ đó lan tỏa những hành động đẹp, ý nghĩa đó đến gia đình, người thân và cộng đồng xung quanh cùng chung tay bảo vệ “lá phổi xanh” của nhân loại.

Trong khuôn khổ chương trình, nhiều hoạt động sôi nổi được diễn ra đan xen như vẽ tranh “Em yêu thiên nhiên”, thực hành thí nghiệm “Vai trò của rừng trong việc chống xói mòn đất”, trò chơi đồng đội xoay quanh chủ đề về rừng sẽ giúp các em có thêm trải nghiệm, kiến thức về bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên.

Vừa hoàn thành bức vẽ của mình, em Đinh Hà Phương, học sinh lớp 9 vui vẻ chia sẻ “Ở trên lớp, chúng em được các thầy cô dạy nhiều kiến thức về bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, hôm nay chúng em được trải nghiệm qua những trò chơi, thí nghiệm xói mòn đất rất thú vị, chúng em được



Nguồn ảnh: VNFF



Nguồn ảnh: VNFF

trau dồi thêm, hiểu rõ hơn về giá trị của rừng đem lại cho cuộc sống của gia đình chúng em, chúng em mong rằng mọi người hãy nâng cao nhận thức và cùng tích cực tham gia bảo vệ rừng”.

Phát biểu tại chương trình, thầy giáo Thảo, phụ trách đoàn đội của trường phấn khởi “Đây là chương trình rất thiết thực, ý nghĩa và gần gũi với các em học sinh, giúp tuyên truyền về bảo vệ rừng trực tiếp đến các em học sinh của nhà trường, đồng thời giáo dục thế hệ trẻ là mầm non của đất nước, gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội nhận thức về ý nghĩa, trách nhiệm trong việc bảo vệ rừng, giữ gìn môi trường sinh thái, chương trình này nên được khuyến khích nhân rộng”.

Bên cạnh đó, Quỹ BV&PTR Việt Nam đã trao các sản phẩm truyền thông nhằm động viên, khích lệ các em học sinh phấn đấu học tập, rèn luyện đạt thành tích cao trong năm học sắp tới.



Nguồn ảnh: VNFF

NGƯỜI DÂN ĐỂ XU PHÌNH

háo hức chờ đợi nhận tiền Chi trả Dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng

 GIZ, Thanh Thủy/Quỹ BV&PTR tỉnh Yên Bái

Đường trơn trượt và bùn lầy không thể ngăn cản hơn 200 người dân xã Để Xu Phình, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia khóa tập huấn “Chi trả dịch vụ môi trường rừng thông qua tài khoản ngân hàng” diễn ra trong hai ngày 3& 4/7/2018. Khóa tập huấn này do Quỹ BV & PTR tỉnh Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (Agribank) tỉnh Yên Bái và Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ phối hợp tổ chức thực hiện.

Khóa tập huấn được tổ chức bằng tiếng H'Mong nên người dân dễ dàng hiểu được ý nghĩa của Chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) và hình thức thanh toán hiện nay. Đồng thời, người dân cũng hiểu rõ hơn về vai trò của ngân hàng trong hình thức thanh toán mới, các thủ tục để mở tài khoản ngân hàng cũng như quyền và lợi ích của mình trong việc quản lý và sử dụng tiền DVMTR. Ngay sau khóa tập huấn, Ngân hàng Agribank huyện Mù Cang Chải hỗ trợ người dân mở 138 tài khoản cá nhân và 4 tài khoản nhóm ngay tại trung tâm xã.



Nguồn ảnh: GIZ



Nguồn ảnh: GIZ

Mục đích của việc thanh toán tiền DVMTR thông qua tài khoản ngân hàng nhằm tăng tính an toàn, hiệu quả và minh bạch trong quá trình chi trả. Chia sẻ điều này, chị Giàng Thị Mú, bí thư chi bộ thôn Phình Hồ cho biết những năm trước mỗi khi có tiền DVMTR, xã báo cho trưởng bản về thông báo cho hội gia đình đi nhận tiền nhưng phải mất mấy ngày mới thanh toán xong nên việc thanh toán qua ngân hàng sẽ thuận tiện hơn rất nhiều vì khi ngân hàng đến xã thanh toán mà người dân bận không đi nhận được thì sau đó họ có thể rút tại ngân hàng khi đi chợ hoặc có việc cần lên huyện. Trưởng bản Phình Hồ, anh Hàng A Phòng cho biết thêm “thực hiện chủ trương mở tài khoản thanh toán tiền DVMTR qua tài khoản ngân hàng, bản thân tôi nhận thấy đây là việc làm rất hay, giúp cho trưởng bản như tôi giảm được rất nhiều công để đi báo các hộ gia đình đến nhận tiền, có trường hợp phải đi tìm tận trong rừng hay ngoài lán nương để thông báo. Mở tài khoản thì tiền được trả trực tiếp cho các hộ gia đình, tôi không phải nhận tiền rồi chia cho các hộ như trước đây

nữa, hay nhầm lẫn và phải đổi tiền lẻ để chia nên vất vả lắm cán bộ ạ. Được phổ biến về việc mở tài khoản, tôi về thôn triển khai họp dân luôn và phân tích cho bà con biết được những thuận lợi khi mở tài khoản cá nhân cho từng hộ, bà con cũng phấn khởi lắm và đăng ký cả 103 hộ, mỗi hộ mở một tài khoản, nhiều hộ vợ chồng trẻ chúng nó còn đăng ký cả thẻ ATM nữa đấy”.

Bình đẳng giới cũng là một nội dung được nhấn mạnh trong khóa tập huấn khi cả nam và nữ cần có sự bàn bạc và đồng thuận trong việc quản lý và sử dụng tiền DVMTR. Ông Giàng A Sáu, Chủ tịch UBND xã quán triệt tinh thần “Cả vợ và chồng nên cùng nhau bàn bạc và quyết định việc sử dụng tiền DVMTR như thế nào một cách ý nghĩa nhất”. Các khóa tập huấn tương tự cũng sẽ được tổ chức tại tỉnh Hòa Bình và Đắk Nông vào đầu tháng 8/2018. Kết quả từ mô hình thí điểm này sẽ được đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm phục vụ cho quá trình xây dựng chính sách và nhân rộng thực hiện trên cả nước.

Bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng



Theo hướng dẫn tại Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả DVMTR, việc xây dựng bản đồ chi trả DVMTR có sử dụng kết quả của Dự án Tổng điều tra kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016 và theo dõi, cập nhật diễn biến rừng hàng năm làm căn cứ chi trả đã giúp thống nhất số liệu chung của ngành lâm nghiệp tại địa phương cũng như toàn quốc, tiết kiệm chi phí và công sức so với trước đây.

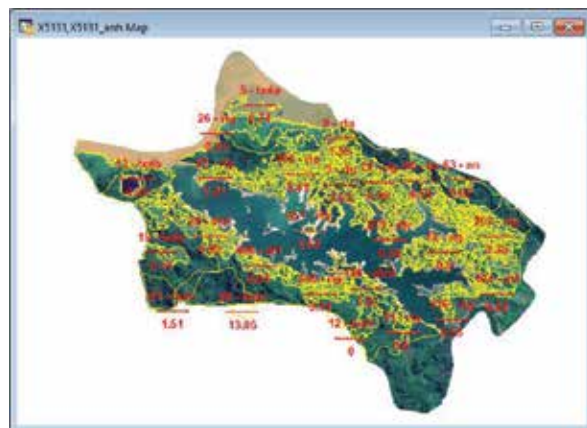
Thời gian qua, Quý BV&PTR Việt Nam phối hợp với Viện Sinh thái rừng và Môi trường (Trường Đại học Lâm nghiệp) biên soạn số tay kỹ thuật hướng dẫn xây dựng bản đồ chi trả DVMTR.

Ngày 25/5, Phó tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Giám đốc Quý BV&PTR Việt Nam Nguyễn Bá Ngải chủ trì Hội nghị triển khai xây dựng bản đồ chi trả DVMTR nhằm giới thiệu và thực hành trải nghiệm trực tiếp cho các Quý địa phương về cách thức xây dựng bản đồ chi trả DVMTR đồng thời thảo luận thêm về những vướng mắc để tiếp tục hoàn thiện cuốn số tay trước khi được ban hành chính thức.

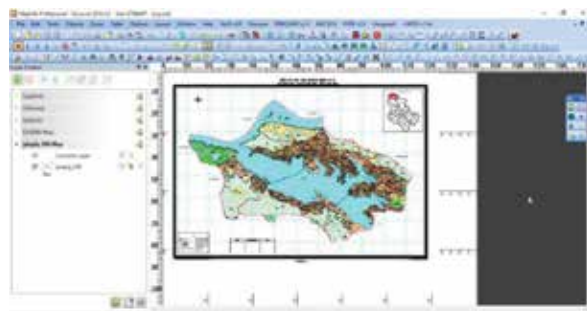
Theo dự thảo cuốn số tay, bản đồ chi trả DVMTR là một dạng bản đồ chuyên đề để truyền tải thông tin về số tiền được chi trả tương ứng với mỗi không gian địa lý (mỗi lô rừng) và các đối tượng chủ rừng được thụ hưởng, được xây dựng trên cơ sở đơn giá chi trả cho từng lưu vực do UBND tỉnh quy định theo phương án chi trả hàng năm được phê duyệt và hiện trạng rừng, hiện trạng chủ quản lý của từng tỉnh. Bản đồ này có thể tồn tại ở 2 định dạng là bản đồ số (MapInfo, ArcGIS, QGIS) hoặc bản đồ giấy (được in ra).

Bản đồ chi trả DVMTR sẽ dùng cơ sở dữ liệu từ FORMIS, vì các trường thông tin thuộc tính được chiết xuất từ phần mềm của FORMIS được cấu trúc dưới dạng liên kết nhiều bảng nên trước khi đưa vào bản đồ chi trả DVMTR, những dữ liệu này cần phải được chuẩn hóa.

Sau khi dữ liệu được chuẩn hóa theo cấu trúc của DVMTR, lớp bản đồ chi trả DVMTR được xây dựng trên cơ sở thông tin về hiện trạng rừng, vùng chi trả (ranh giới lưu vực), đơn giá chi trả, hệ số quy đổi (K) theo hướng dẫn tại Thông tư 22.



Kết quả của trình xem bình đồ ảnh vệ tinh



Kết quả xem bản đồ thành quả

Trên cơ sở dữ liệu đã được nhập, hệ thống cho phép kết xuất thông tin trực tiếp dưới dạng Mẫu biểu 12 và 13 trong Thông tư 22. Bên cạnh đó, từ bản đồ chi trả DVMTR tổng thể của tỉnh, dữ liệu về chi trả DVMTR của tỉnh sẽ được khai thác, quản lý dễ dàng như cập nhật thông tin chi trả (trạng thái rừng, hệ số K...), xem bản đồ của xã hay chủ rừng là tổ chức trên nền bản đồ thành quả hoặc trên nền ảnh vệ tinh (bình đồ ảnh) và có thể truy xuất thông tin cũng như vị trí lô rừng được chi trả DVMTR của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng, UBND xã và tổ chức xã hội.

Số tay này cũng đề xuất hướng xử lý cho một số tình huống xảy ra khi bản đồ chi trả DVMTR không thống nhất với bản đồ diễn biến rừng hoặc kết quả được chiết xuất từ hệ thống không trùng khớp với kết quả nghiệm thu thực tế...

Số tay này sẽ tiếp tục được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện trước khi trình lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp xem xét và ban hành chính thức. Dự kiến, sau khi cuốn số tay được ban hành, Quý BV&PTR Việt Nam sẽ tổ chức 02 lớp tập huấn, hướng dẫn xây dựng bản đồ cho Quý BV&PTR các tỉnh.

Với việc áp dụng nền cơ sở dữ liệu mới, chính xác, chi tiết và cách làm khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương, bản đồ chi trả DVMTR đã đáp ứng được yêu cầu thực hiện chi trả DVMTR nhanh chóng, công bằng và minh bạch, góp phần nâng cao chất lượng thông tin, dữ liệu về ngành lâm nghiệp nói chung và DVMTR nói riêng.

USAID tiếp tục hỗ trợ phát triển dịch vụ môi trường rừng tại Việt Nam



Ngày 06/7, Dự án “Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu ở rừng và đồng bằng Việt Nam” viết tắt là Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam (VFD) do Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ phối hợp với Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp tổ chức buổi giới thiệu khái quát nội dung và tham vấn xây dựng kế hoạch hành động cho dự án giai đoạn 3.

Thông tin tổng quan về dự án giai đoạn 3:

Tên dự án	Dự án “Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu ở rừng và đồng bằng Việt Nam” viết tắt là Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam (VFD) giai đoạn 3
Tên nhà tài trợ	Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID)
Cơ quan thực hiện dự án (do USAID lựa chọn)	Winrock International
Cơ quan chủ quản	Bộ NN&PTNT
Chủ dự án	Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp
Thời gian thực hiện	Tháng 4/2018 đến Tháng 12/2020
Địa điểm	Sơn La, Quảng Ninh, Thanh Hóa và Lâm Đồng
Ngân sách thực hiện	Vốn tài trợ 5.000.000 USD, Vốn đối ứng 643.572 USD
Hình thức tài trợ	ODA không hoàn lại

Dự án nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển DVMTR tại Việt Nam với nội dung chính về:

- (i) Chi trả DVMTR đối với dịch vụ hấp thụ và lưu trữ cacbon của rừng;
- (ii) Hệ thống giám sát, đánh giá trong chi trả DVMTR;
- (iii) Chi trả điện tử trong chi trả DVMTR.

Hiện tại, trong văn kiện dự án đang trình Bộ NN&PTNT xem xét, phê duyệt, Quỹ BV&PTR Việt Nam được đề xuất tham gia dự án với vai trò là đối tác chính, sẽ tiếp nhận kết quả của dự án, vì vậy, một số kết quả mong đợi được Quỹ BV&PTR Việt Nam kỳ vọng sau khi dự án được hoàn thành như:

- (i) Nghiên cứu, thí điểm, xác định đối tượng, mức thu, hình thức chi trả, mức chi trả, quản lý, sử dụng tiền đối với dịch vụ hấp thụ và lưu trữ cacbon của rừng;

- (ii) Hệ thống giám sát đánh giá thực hiện chính sách chi trả DVMTR được nghiên cứu, thí điểm và vận hành;
- (iii) Thanh toán điện tử tiền chi trả DVMTR cho chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được nghiên cứu, thí điểm;
- (iv) Các chính sách liên quan đến chi trả DVMTR được rà soát, làm cơ sở để xuất, điều chỉnh, sửa đổi và các hoạt động nâng cao năng lực.

Tại buổi giới thiệu, đại diện các địa phương vùng dự án đã cùng với cán bộ ban quản lý dự án lâm nghiệp, dự án VFD, Quỹ BV&PTR Việt Nam trao đổi, đề xuất lộ trình kế hoạch, các hoạt động cần thiết tại tỉnh để có thể triển khai ngay sau khi văn kiện dự án được Bộ NN&PTNT phê duyệt.



Nguồn ảnh: GIZ

Việt Nam hưởng ứng ngày thế giới chống sa mạc hóa



Văn phòng TCLN

Chiều 17/6, tại thành phố Lào Cai, Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ NN&PTNT phối hợp với Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lào Cai tổ chức lễ hưởng ứng Ngày thế giới chống sa mạc hóa (17/6) với sự tham dự của đại diện nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước và đông đảo các sinh viên, thầy cô giáo Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai.

Phát biểu tại buổi lễ, Ông Phạm Văn Điền, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT cho biết “Số liệu thống kê mới nhất cho thấy, diện tích đất bị suy thoái chiếm 4% tổng diện tích tự nhiên của Việt Nam; diện tích đất có dấu hiệu suy thoái chiếm 7,3% diện tích tự nhiên và diện tích đất có nguy cơ suy thoái là chiếm tới 20,3%. Như vậy, diện tích đất có vấn đề cần được quan tâm của Việt Nam vào khoảng hơn 10 triệu ha chiếm đến 31% diện tích lãnh thổ đất liền.

Đặc biệt, vùng Tây Bắc có tổng số 1,25 triệu ha đất đã và đang có nguy cơ bị suy thoái, tương đương với 33,8% tổng diện tích tự nhiên của vùng. Do đó, chúng ta cần có những giải pháp cụ thể nhằm giảm thiểu, cải tạo diện tích đất suy thoái và có nguy cơ suy thoái để bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh lương thực trong thời gian tới.”

Với mục tiêu Phát triển bền vững (SDG), Công ước về chống sa mạc hóa nêu rõ: “Đến năm 2030, chống sa mạc hóa, phục hồi đất và đất bị suy thoái, bao gồm cả đất bị ảnh hưởng bởi sa mạc hóa, hạn hán và lũ lụt, và phấn đấu đạt được một thế giới cân bằng thoái hóa đất”. Vì vậy, mục tiêu chống sa mạc hóa đã trở thành động lực thúc đẩy quá trình thực hiện Công ước về chống sa mạc hóa, đồng thời góp phần vào các mục

tiêu Phát triển bền vững khác (SDGs), bao gồm các vấn đề liên quan đến giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái, an ninh lương thực và nước, giảm nguy cơ thiên tai và đói nghèo.

Suy thoái đất dẫn đến sa mạc hóa đe dọa sinh kế và an sinh của người dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số. Do đó, rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phục hồi các vùng đất khô hạn, ngăn chặn suy thoái đất.

Theo thống kê, năm 2017, Việt Nam đã trồng rừng mới được 235.028 ha (đạt 102,4% kế hoạch), chăm sóc rừng trồng đạt 528.895 ha, khoán bảo vệ rừng đạt 6.119,901 nghìn ha, khoanh nuôi tái sinh đạt 334.899 ha và trồng cây phân tán ước đạt 60.987 triệu cây. Tuy vậy, từ thực tế cho thấy, công tác bảo vệ, xây dựng và phát triển rừng còn một số tồn tại cần khắc phục như: Diện tích rừng tuy có tăng nhưng chất lượng rừng và đa dạng sinh học rừng tự nhiên nhiều nơi vẫn tiếp tục bị suy giảm, ở một số nơi tình trạng cháy rừng vẫn diễn ra gay gắt; đóng góp của ngành lâm nghiệp đối với xóa đói giảm nghèo còn hạn chế, thu nhập của người làm nghề rừng còn thấp, chưa ổn định... Do vậy, một yêu cầu cấp bách là Việt Nam cần tiếp tục trồng cây, trồng rừng, phát triển rừng bền vững, góp phần chống suy thoái đất, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng.

Ngay sau lễ hưởng ứng Ngày thế giới phòng chống sa mạc hóa, các đại biểu đã cùng tham gia trồng nhiều cây xanh tại khuôn viên Phân hiệu Trường Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai./.

Tiềm năng chi trả trực tiếp tiền dịch vụ môi trường rừng



Bernhard Huber/Chuyên gia CIM

Sau khi ban hành Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam đã đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định DVMTR trong Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp. GIZ hiện đang hỗ trợ Quỹ BV&PTR Việt Nam nghiên cứu khả thi nội dung sửa đổi, bổ sung này thông qua tham vấn 3 tỉnh và hội thảo tham vấn cấp quốc gia. Tôi có một số ý kiến góp ý trên quan điểm cá nhân về các nội dung sửa đổi này và nhấn mạnh cơ hội phát triển trong tương lai của chính sách chi trả DVMTR.

Một nội dung sửa đổi đầy hứa hẹn đó là để xuất các đơn vị nuôi trồng thủy sản và du lịch sẽ ký hợp đồng DVMTR trực tiếp với chủ rừng, thay vì ký gián tiếp thông qua Quỹ BV&PTR tỉnh như trước đây. Chi trả trực tiếp tiền DVMTR được đề cập trong Nghị định 99 nhưng rất ít đơn vị thực hiện cho đến thời điểm này. Chi trả trực tiếp tiền DVMTR cho phép các công ty du lịch, nuôi trồng thủy sản và thậm chí cả nhà máy thủy điện trả tiền trực tiếp cho chủ rừng - người bảo vệ và phát triển rừng để cung ứng DVMTR, theo mức hai bên tự thỏa thuận. Đây thực sự là cách tiếp cận dựa trên kết quả và theo định hướng thị trường. Thông qua ký hợp đồng trực tiếp DVMTR, công ty du lịch có thể giúp hỗ trợ giám sát bảo vệ rừng ở khu vực rừng phòng hộ/ đặc dụng hoặc phát triển sinh kế cho người dân vùng đệm. Công ty sẽ quảng bá du lịch sinh thái và lợi ích của cộng đồng, thu hút khách du lịch và khuyến khích các công ty khác tìm kiếm cơ hội áp dụng chi trả DVMTR trực tiếp.

Tại lưu vực cung cấp nước cho nhà máy thủy điện, diện tích rừng trồng và rừng sản xuất trải rộng trên địa hình thấp có thể dễ bị xói mòn, tuy nhiên diện tích này vẫn được hưởng tiền DVMTR. Thông qua hợp đồng chi trả trực tiếp tiền DVMTR, rất có thể, nhà máy thủy điện sẽ chi trả trực tiếp cho các chủ rừng đáp ứng được yêu cầu, áp dụng các biện pháp tránh xói mòn như trồng thảm cỏ hoặc kéo dài chu kỳ khai thác. Việc này giúp giảm bồi lắng hồ và chi phí nạo vét của nhà máy thủy điện, đồng thời tăng lưu trữ các bon và giá trị kinh tế của rừng.

Chi trả trực tiếp linh hoạt hơn và hướng tới mục tiêu tốt hơn so với chi trả gián tiếp và thúc đẩy chi trả dựa trên kết quả nhằm tăng chất

lượng rừng và dịch vụ hệ sinh thái. Chi trả trực tiếp có thể áp dụng trong trường hợp bên chi trả hưởng lợi trực tiếp từ DVMTR do chủ rừng mang lại (hoặc các hộ nhận khoán). Tuy nhiên, nó chỉ phù hợp với dịch vụ cung cấp, điều tiết nguồn nước và du lịch chứ không áp dụng được với dịch vụ hấp thụ các bon. Trong quá trình dự thảo Nghị định, nên đưa ra quy định nhằm khuyến khích chi trả trực tiếp và tăng tính linh hoạt cũng như giám sát một cách hiệu quả.

Thứ hai, Quỹ BV&PTR Việt Nam đề xuất mở rộng dịch vụ đối với sử dụng nước trong công nghiệp. Các nhà máy sử dụng lượng lớn nước mặt hoặc nước ngầm sẽ phải trả mức 50 VND/m³ cho Quỹ BV&PTR tỉnh (chi trả gián tiếp). Trường hợp này không áp dụng chi trả trực tiếp là hợp lý nhưng điều đó có nghĩa là Quỹ BV&PTR Việt Nam và Quỹ BV&PTR tỉnh cần điều phối tốt, thu tiền ở đâu và sử dụng tiền như thế nào. Không giống như chi trả trực tiếp, chi trả gián tiếp có ít cơ hội sử dụng tiền một cách chiến lược tại địa bàn cụ thể cho hoạt động cụ thể nào đó. Hệ số K (trước đây được quy định tại Thông tư 22/2017/BNNT) cho phép áp dụng mức chi trả khác nhau giữa các diện tích rừng trong cùng lưu vực, nhưng không khuyến khích chủ rừng quản lý, bảo vệ, phục hồi rừng hoặc bảo vệ đất giúp cải thiện chất lượng rừng và cung cấp DVMTR.

Kết luận, DVMTR cung cấp tài chính bền vững và đáng kể cho nhiều chủ rừng và hộ gia đình vùng sâu vùng xa. Hệ thống Quỹ BV&PTR cùng với chính sách chi trả DVMTR đã lớn mạnh theo thời gian và sẽ cần tiếp tục có sự điều chỉnh cho phù hợp. Quỹ BV&PTR Việt Nam đang phối hợp với UNDP đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường của DVMTR. Đây sẽ là thông tin đầu vào cho sửa đổi chính sách trong thời gian tới. Việc nghiên cứu các bon sẽ là cơ hội tốt để sử dụng nguồn thu tiền DVMTR cho các hoạt động lâm nghiệp cụ thể tại các khu vực có tiềm năng giảm phát thải. Mục tiêu này cũng có thể giúp phân bổ tiền DVMTR thu từ các nhà máy thủy điện hiệu quả hơn để cải thiện chất lượng rừng và DVMTR một cách bền vững. Cùng với các đối tác trong nước và quốc tế, tôi hy vọng Quỹ BV&PTR Việt Nam sẽ đẩy nhanh quá trình sửa đổi chính sách DVMTR để đảm bảo đạt được kết quả như tiềm năng DVMTR mang lại.

CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN THỰC THI CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1 Thông báo 729/TB-TCLN-VP ngày 17/5/2018 của Tổng cục Lâm nghiệp về truy cập thông tin, dữ liệu tài nguyên rừng

Chi tiết các văn bản xem tại <http://vnff.vn/van-ban/chi-dao-dieu-hanh/tong-cuc-lam-nghiep>

2 Công văn 861/TCLN-KHTC ngày 06/6/2018 của Tổng cục Lâm nghiệp về tăng cường thực hiện chính sách chi trả DVMTR gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng

Chi tiết các văn bản xem tại <http://vnff.vn/van-ban/chi-dao-dieu-hanh/tong-cuc-lam-nghiep>

3 Công văn 46/VNFF-BĐH ngày 20/4/2018 của Quỹ BV&PTR Việt Nam báo cáo tình hình tiếp nhận và quản lý, sử dụng tiền trồng rừng thay thế

Chi tiết các văn bản xem tại <http://vnff.vn/van-ban/chi-dao-dieu-hanh/vnff>

4 Công văn 47/VNFF-BĐH ngày 20/4/2018 của Quỹ BV&PTR Việt Nam đề nghị góp ý dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Lâm nghiệp

Chi tiết các văn bản xem tại <http://vnff.vn/van-ban/chi-dao-dieu-hanh/vnff>

5 Công văn 76/VNFF-BĐH ngày 11/6/2018 của Quỹ BV&PTR Việt Nam góp ý số tay hướng dẫn xây dựng bản đồ chi trả DVMTR

Chi tiết các văn bản xem tại <http://vnff.vn/van-ban/chi-dao-dieu-hanh/vnff>

6 Công văn 85/VNFF-BĐH ngày 21/6/2018 của Quỹ BV&PTR Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách chi trả DVMTR

Chi tiết các văn bản xem tại <http://vnff.vn/van-ban/chi-dao-dieu-hanh/vnff>

TIN ĐỊA PHƯƠNG

SƠN LA TIÊN PHONG

XÂY DỰNG VÀ THÍ ĐIỂM THỰC HIỆN
HỆ THỐNG THEO DÕI GIÁM SÁT,
ĐÁNH GIÁ

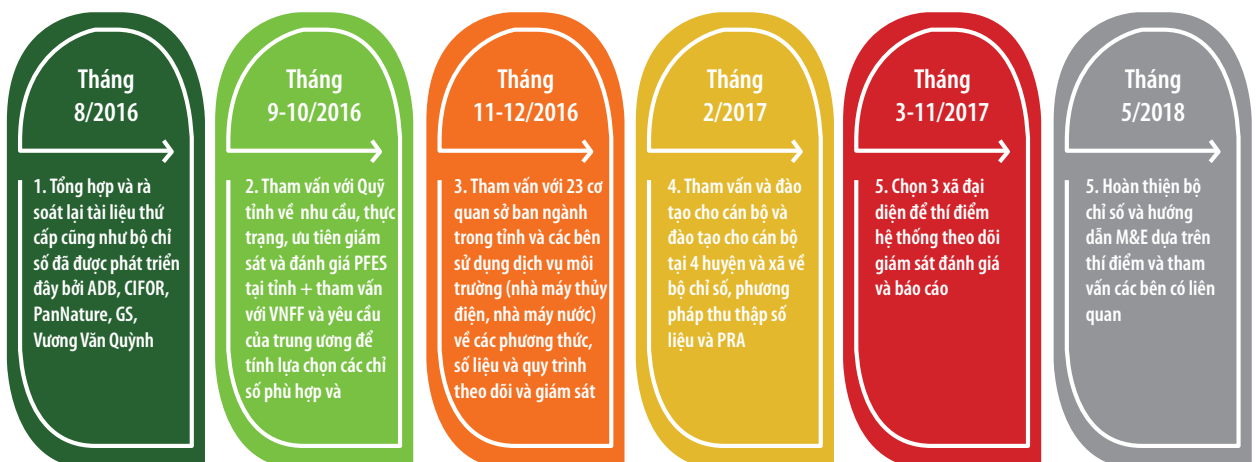
 Lê Mạnh Thắng, Hồng Hạnh/Quỹ BV&PTR tỉnh Sơn La

Sơn La là một trong hai tỉnh đầu tiên của cả nước thí điểm thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) từ năm 2008. Lũy kế tiền DVMTR thu được ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng (BV&PTR) tỉnh Sơn La sau 9 năm đạt trên 800 tỷ đồng (bình quân khoảng 100 tỷ đồng/năm) để chi trả cho trên 50 nghìn chủ rừng quản lý hơn 600 nghìn ha rừng.

Bên cạnh những kết quả đáng khích lệ thì việc triển khai chính sách tại Sơn La nói riêng và trên cả nước nói chung còn một số khó khăn, mặc dù các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PT-NT) hiện nay đã có những hướng dẫn bước đầu nhưng còn thiếu một hệ thống chỉ số giám sát đánh giá các mục tiêu đã đề ra của chính sách một cách đồng bộ, thống nhất. Cụ thể hơn: (1) Chưa có cơ chế giám sát đánh giá hiệu quả về chất lượng và số lượng của DVMTR; (2) Chưa có cơ

chế giám sát đánh giá dòng tiền chi trả, liệu tiền chi trả DVMTR có được chuyển tới đúng đối tượng? có được sử dụng đúng mục đích? có hiệu quả không?; (3) Chưa có cơ chế giám sát đánh giá về tác động lên đời sống kinh tế, xã hội và môi trường... Bên cạnh đó, khung chính sách còn thiếu một cơ chế phản hồi giữa các bên có liên quan: giữa người dân với cơ quan nhà nước; giữa chính quyền địa phương với chính quyền trung ương và giữa đơn vị sử dụng DVMTR với cơ quan nhà nước.

Xuất phát từ thực tiễn trên, Quỹ BV&PTR tỉnh Sơn La đã chủ động đề xuất với Tổng cục Lâm nghiệp, Quỹ BV&PTR Việt Nam và UBND tỉnh Sơn La cho phép xây dựng cơ chế, bộ chỉ số và thí điểm thực hiện mô hình giám sát đánh giá chi trả DVMTR với sự hỗ trợ của Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam (VFD), Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế (CIFOR) trong thời gian từ tháng 8/2016 đến tháng 5/2018.



Để đảm bảo tính khách quan, toàn diện, bộ chỉ số được xây dựng dựa trên 5 căn cứ cơ bản như: (1) Yêu cầu báo cáo của Quý BV&PTR Việt Nam (Hàng năm Quý tỉnh đều phải báo cáo Quý TW về kết quả thực hiện chính sách, do vậy các chỉ số giám sát đánh giá phải đáp ứng được các yêu cầu báo cáo mà TW yêu cầu); (2) Yêu cầu và nhu cầu báo cáo về chính sách của các sở, ban ngành và UBND tỉnh Sơn La; (3) Đề nghị và mối quan tâm của

người sử dụng và cung ứng DVMTR; (4) Ưu tiên, ngân sách và nguồn lực thực tế của Quý tỉnh; (5) Cơ sở và các phương pháp nghiên cứu khoa học.

Theo đó, bộ chỉ số đã được xây dựng và phê duyệt với 4 chỉ số cơ bản (thể chế/chính sách, môi trường, kinh tế, xã hội) và 31 chỉ số thành phần như sau:

CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH PFES TẠI SƠN LA					
THỂ CHẾ, TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH			MÔI TRƯỜNG		
Tổng hợp	Chỉ số 1.1 và 1.2: Số lượng các văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo điều hành liên quan đến thực hiện DVMTR	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 2.2: Tổng diện tích rừng ở các cấp	Chi tiết
Tổng hợp	Chỉ số 1.3: Số đoàn/lượt công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện chính sách	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 2.3 và 2.4: Số lượng các vụ vi phạm và cháy rừng (so sánh khu vực có PFES và khu vực không có DVMTR)	Chi tiết
Tổng hợp	Chỉ số 1.4: Tổng số cán bộ của Quý tại tất cả các cấp	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 2.5: Diện tích rừng bị thiệt hại (so sánh khu vực có DVMTR và khu vực không có DVMTR)	Chi tiết
Tổng hợp	Chỉ số 1.5: Diện tích đất lâm nghiệp đã được giao theo mục đích sử dụng	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 2.6: Diện tích rừng phục hồi	Chi tiết
Tổng hợp	Chỉ số 1.6: Diện tích rừng được chi trả từ DVMTR	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 2.7: Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ khai thác theo quy định	Chi tiết
Tổng hợp	Chỉ số 1.7: Cập nhật đầy đủ thông tin CSDL chi trả DVMTR vào hệ thống	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 2.8: Chất lượng đất và nước tại các điểm quan trắc trong tỉnh	Chi tiết
Tổng hợp	Chỉ số 1.8: Hệ thống phản hồi khiếu nại	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 2.9: Chất lượng nước tại các Thủy điện	Chi tiết
Tổng hợp	Chỉ số 1.9: Số lượng cán bộ Quý tham gia vào các đợt đào tạo, tập huấn liên quan đến PFES	Chi tiết	TÀI CHÍNH KINH TẾ		
Tổng hợp	Chỉ số 1.10: Số lượng các bên cung cấp và sử dụng dịch vụ môi trường rừng được tập huấn về chính sách DVMTR và chế tài sử phạt khi vi phạm	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 3.1: Thu nhập bình quân của người dân từ DVMTR (mức thu từ PFES và tỷ trọng trong cơ cấu thu nhập)	Chi tiết
Tổng hợp	Chỉ số 1.11: Số lượng hoạt động thông tin tuyên truyền	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 3.2: Số hộ vượt ngưỡng nghèo	Chi tiết
XÃ HỘI			Tổng hợp	Chỉ số 3.3 và 3.4: Số đơn vị sử dụng DVMTR và số tiền thu được từ DVMTR	Chi tiết
Tổng hợp	Chỉ số 4.1: Số tiền đầu tư vào các hoạt động sử dụng nguồn tiền từ chi trả DVMTR	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 3.5 và 3.6: Tổng số tiền giải ngân theo kế hoạch phê duyệt và thực tế và đơn giá chi trả bình quân	Chi tiết
Tổng hợp	Chỉ số 4.2: Tổng số hộ có thu nhập thêm từ DVMTR	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 3.7: Tổng ngân sách cho ngành lâm nghiệp hàng năm trong tỉnh	Chi tiết
Tổng hợp	Chỉ số 4.2: Số chủ rừng không có tranh chấp về ranh giới	Chi tiết	Tổng hợp	Chỉ số 3.8: Tỷ trọng tiền DVMTR so với tổng ngân sách ngành lâm nghiệp của tỉnh	Chi tiết

Với bộ chỉ số này, việc theo dõi, giám sát và đánh giá chi trả DVM-TR tại Sơn La được thực hiện một cách khách quan, toàn diện do được cung cấp từ nhiều nguồn số liệu (được thể chế hóa thông qua quy chế giữa các sở, ban ngành, đơn vị trong tỉnh phối hợp thực hiện chính sách chi trả DVMTR tại văn bản số 1106/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh), đa dạng trong cách tiếp cận và sự ứng dụng linh hoạt kết hợp của nhiều công cụ như:

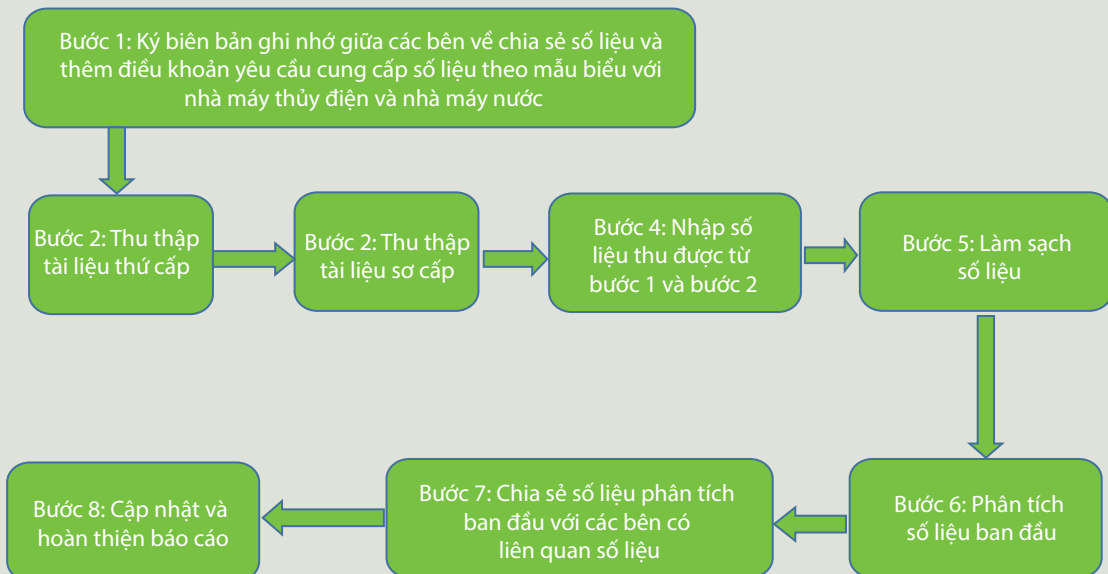
Trình tự thực hiện báo cáo M&E PFES Sơn La

- Thu thập số liệu: Các số liệu thứ cấp được thu thập và rà soát từ các báo cáo của Quỹ BV&PTR tỉnh năm 2009 tới nay, các niên giám số liệu thống kê của tỉnh từ các, báo cáo của các sở ban ngành trong tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, báo cáo của các đơn vị sử dụng DVMTR (nhà máy thủy điện, nước sạch), báo cáo khoa học của các bên liên quan, ... Đối với số liệu sơ cấp, để thu thập số liệu đánh giá, yêu cầu phải sử dụng công cụ đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) gồm: Phỏng vấn hộ (240 hộ), thảo luận nhóm chuyên sâu, phỏng vấn cán bộ xã, bản... áp dụng phương pháp Trước- Sau – Đối chứng – Can Thiệp.
- Xử lý và làm sạch số liệu sau thu thập: Sau khi thu thập, số liệu cần được xử lý để đảm bảo tính nhất quán giữa các số liệu khác nhau và nguồn khác nhau như: Lỗi đánh máy, chính tả, tìm ra các số liệu bị nhập sai, nhập thiếu ...

- Quản lý các chỉ số và dữ liệu: việc quản lý, theo dõi được thực hiện thông qua 2 file excel gồm:
 - + File excel macro: do VFD hỗ trợ, chứa đựng 31 chỉ số đánh giá đã được xây dựng
 - + File excel thông thường: do CIFOR hỗ trợ, chứa đựng những thông tin đã được làm sạch từ các cuộc phỏng vấn 240 hộ theo phương pháp PRA và các file word đánh giá, so sánh, đối chiếu, phân tích những số liệu đó.
- Phân tích, tổng hợp số liệu và báo cáo: Số liệu sạch sẽ giúp cho việc phân tích, trích xuất dữ liệu chính xác, hiệu quả, giúp nâng cao chất lượng, tính thuyết phục của báo cáo.

Việc xây dựng bộ chỉ số theo dõi, giám sát và đánh giá, bước đầu đã giúp Quỹ BV&PTR tỉnh Sơn La hệ thống được toàn bộ quá trình vận hành để có những điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, mỗi khâu thực hiện đều có những điều kiện thuận lợi, khó khăn nhất định, song Quỹ BV&PTR tỉnh Sơn La sẽ từng bước khắc phục, cải thiện, tiếp tục triển khai, vận hành hệ thống giám sát, đánh giá này trong thời gian tiếp theo với sự hỗ trợ của Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam (VFD), Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế (CIFOR), dưới sự chỉ đạo, định hướng của Tổng cục Lâm nghiệp, Quỹ BV&PTR Việt Nam và UBND tỉnh Sơn La để đảm bảo quá trình thực thi chính sách trên địa bàn tỉnh Sơn La hiệu quả, minh bạch, đạt được các mục tiêu đã đề ra. Kết quả thí điểm tại Sơn La sẽ là cơ sở ban đầu để các địa phương khác tham khảo, nghiên cứu áp dụng, mở rộng trên cả nước.

Trình tự thực hiện báo cáo M&E PFES Sơn La:





Nguồn ảnh: Quý BV&PTR tỉnh Lâm Đồng

Chung tay tuyên truyền chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Lâm Đồng

 Đức Thịnh/Quý BV&PTR tỉnh Lâm Đồng

Ngày 28/6, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Quý BV&PTR và Đài PTTH tỉnh Lâm Đồng đã ký kết quy chế phối hợp xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình tuyên truyền chính sách chi trả DVMTR giai đoạn 2018-2024.

Ông Nguyễn Trọng Ánh Đông - Ủy viên ban thường vụ Tỉnh ủy - Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; đại diện lãnh đạo Ban dân vận tỉnh ủy, Sở NN&PTNT, Đài PTTH tỉnh, Quý BV&PTR tỉnh và các ngành, cơ quan liên quan đã tới tham dự.

Những năm qua, việc triển khai thực hiện chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh có những kết quả tích cực; hoạt động của hệ thống lâm nghiệp ổn định, nguồn tiền DVMTR đã góp phần cải thiện sinh kế, tăng thu nhập, nâng cao đời sống người dân vùng rừng và các hộ nhận khoán, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Lâm Đồng hiện có trên 513.520 ha diện tích đất có rừng, trong đó diện tích được chi trả DVMTR gần 428.000ha, chiếm tỷ lệ trên 83%.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả chính sách chi trả DVMTR, ngoài ngân sách đầu tư hàng năm thì việc tuyên truyền chính sách này đặc biệt quan trọng, góp phần cải thiện đời sống người dân sống trong vùng rừng và thúc đẩy họ tham gia công tác quản lý, bảo vệ rừng. Tại hội nghị, Ủy ban Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Quý BV&PTR tỉnh và Đài PTTH tỉnh Lâm Đồng đã thống nhất ký kết quy chế phối hợp hoạt động truyền thông với kế hoạch cụ thể giai đoạn 2018-2024, đẩy mạnh sự tham gia giữa các ngành, đoàn thể và địa phương trong việc tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng mà trọng tâm là chính sách chi trả DVMTR; bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho tuyên truyền viên cơ sở về việc xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước cộng đồng của khu dân cư trên địa bàn có rừng thông qua các buổi hội nghị, tập huấn, sinh hoạt tại cộng đồng dân cư gắn với chính sách chi trả DVMTR và công tác bảo vệ và phát triển rừng; biên soạn, cấp phát tài liệu tuyên truyền về bảo vệ phát triển rừng và chính sách chi trả DVMTR cho các địa phương, cơ sở, khu dân cư và hộ gia đình; thường xuyên đưa tin bài, phóng sự, phim tài liệu liên quan về hoạt động chi trả DVMTR trên sóng Đài phát thanh truyền hình tỉnh.

Quy chế phối hợp này nhằm giúp đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền rộng rãi về chính sách chi trả DVMTR trên các phương tiện thông tin đại chúng, kịp thời phát hiện, biểu dương các nhân tố điển hình trong công tác quản lý bảo vệ rừng cũng như thực hiện chính sách chi trả DVMTR, tạo động lực, góp phần thực hiện hiệu quả chính sách trên địa bàn tỉnh.

Bản Đoàn Kết giữ rừng

 Phạm Trung/Báo Điện Biên Phủ

Bản Đoàn Kết (xã Chung Chải, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên) được giao quản lý, bảo vệ 3.505ha rừng, chủ yếu là rừng phòng hộ và đặc dụng. Toàn bộ diện tích rừng của bản nằm trong lưu vực Sông Đà nên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần bảo vệ môi trường sống. Những năm qua, người dân bản Đoàn Kết luôn tập trung bảo vệ rừng và được hưởng những nguồn lợi chính đáng từ rừng.

Bản Đoàn Kết có 120 hộ dân người dân tộc Hà Nhì, chia thành 2 nhóm sống tập trung bên con suối Nậm Ma. Bản có vị trí thuận lợi, diện tích rừng và trữ lượng rừng lớn nên đây là nơi được rất nhiều người di cư tự do đến và chọn làm điểm đến. Khoảng 5 năm trước, người dân bản Đoàn Kết còn phá rừng làm nương, chưa có ý thức quản lý, bảo vệ rừng và để người di cư tự do vào địa bàn phá rừng, làm nương. Do đó, diện tích rừng của bản Đoàn Kết nói riêng và xã Chung Chải nói chung giảm theo từng năm. Nhưng từ năm 2013, khi chính sách chi trả DVMTR triển khai tại xã Chung Chải, thì ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc phối hợp với chính quyền xã, lực lượng kiểm lâm quản lý, bảo vệ diện tích rừng trên địa bàn được nâng lên.

Hiện nay, bản Đoàn Kết được 2 đơn vị giao khoán quản lý, bảo vệ rừng. Đó là: Quỹ BV&PTR tỉnh Điện Biên với 1.046ha rừng phòng hộ và Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé với 2.459,9ha rừng đặc dụng. Bình quân mỗi năm, người dân bản Đoàn Kết được chi trả từ 9 - 12 triệu đồng/hộ/năm (tùy đơn giá từng năm). Ông Giàng Hờ Sinh, Trưởng nhóm 2, bản

Đoàn Kết cho biết: Số tiền DVMTR người dân nhận được hàng năm giá trị bằng 2 - 2,5 lần so với sản xuất trên nương. Do đó, từ năm 2013 đến nay, 100% hộ dân đều có ý thức, nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng để được hưởng lợi từ rừng.

Bản Đoàn Kết thành lập tổ bảo vệ rừng gồm 8 người. Hàng năm, tổ trưởng tổ bảo vệ rừng đại diện bản ký cam kết bảo vệ rừng với UBND xã, Hạt Kiểm lâm huyện và Kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé. Ngay từ đầu năm, sau khi UBND xã ban hành kế hoạch bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng thì bản Đoàn Kết cũng xây dựng kế hoạch, lịch trình tuần tra, bảo vệ và phát triển rừng của năm đó.

Trong đó, bản xác định 2 nhiệm vụ quan trọng: Ngăn chặn dân di cư vào địa bàn và tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát rừng. Để ngăn chặn dân di cư tự do, bản thực hiện tốt công tác quản lý, nhân khẩu, hộ khẩu. Nếu phát hiện có người lạ vào địa bàn báo cáo kịp thời với UBND xã hoặc các lực lượng chức năng đóng chân trên địa bàn. Nhờ đó, những trường hợp người lạ vào bản được quản lý rất chặt, ngăn chặn kịp thời những đối tượng di cư tự do có ý phá rừng làm nương.

Tổ bảo vệ rừng của bản Đoàn Kết thường xuyên tổ chức đi tuần tra, kiểm soát rừng, kịp thời phát hiện, ngăn chặn những hành vi xâm hại rừng, cháy rừng. Tổ bảo vệ rừng đi tuần tra 1 lần/tuần, mùa cao điểm phá rừng, cháy rừng đi tuần tra 2 lần/tuần; phối hợp với kiểm lâm địa bàn và bảo lâm xã tuần tra 1 lần/tuần; phối hợp với Hạt Kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé tuần tra rừng đặc dụng 2 lần/tháng. Nhờ đó, những năm gần đây, rừng của bản Đoàn Kết luôn được bảo vệ an toàn, không xảy ra cháy rừng, tình trạng phá rừng làm nương giảm đáng kể. Ngoài tích cực quản lý, bảo vệ rừng, bản Đoàn Kết còn thực hiện tốt công tác trồng, chăm sóc rừng sản xuất.

Ông Vàng Xoan Lèn, người dân bản Đoàn Kết cho biết: Mỗi năm gia đình tôi nhận được từ 9 - 11 triệu đồng tiền chi trả DVMTR. Đặc biệt, năm 2017, do mức chi trả nâng lên nên tôi nhận được 14 triệu đồng. Đây là số tiền rất lớn, giúp gia đình tôi trang trải cuộc sống. Ngoài hưởng lợi từ chính sách của Nhà nước, rừng còn cho người dân nhiều lâm sản phụ có giá trị như: mật ong, thảo dược...

Nhận thức những nguồn lợi của rừng mang lại, tôi luôn ý thức, trách nhiệm bảo vệ rừng bằng những việc thiết thực nhất, như: Vận động con cháu, anh em, họ hàng cộng đồng trách nhiệm bảo vệ rừng; tham gia 100% chuyển tuần tra rừng của tổ bảo vệ; kịp thời, chủ động báo tin cho trưởng bản, kiểm lâm địa bàn nếu phát hiện các hành vi xâm hại rừng.

Nguồn ảnh: GIZ



Nguồn ảnh: Quỹ BV&PTR tỉnh Đắk Lắk

Tập huấn Thông tư mới hướng dẫn thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại địa phương



Ngày 15/11/2017, Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư 22/2017/TT-BNNPTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả DVMTR và ngày 17/01/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền DVMTR. Hai thông tư mới này thay thế cho 03 Thông tư cũ, bổ sung nhiều quy định, hướng dẫn cụ thể giúp địa phương tháo gỡ được những khó khăn, bất cập và triển khai chính sách thuận lợi, hiệu quả hơn.

Sau buổi tập huấn tại Quảng Ninh vào tháng 3/2018 của Quỹ BV&PTR Việt Nam, nhiều địa phương đã tích cực tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến 2 Thông tư mới này cho các Sở, ngành, phòng ban liên quan trong tỉnh, cán bộ Chi cục Kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, các chủ rừng là tổ chức, UBND xã và các đơn vị sử dụng DVMTR.



Nguồn ảnh: Quỹ BV&PTR tỉnh Nghệ An

Hội thi

“Tìm hiểu về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng”

tại Nghệ An

 Quỹ BV&PTR tỉnh Nghệ An

Ngày 06/7, Quỹ BV&PTR tỉnh Nghệ An phối hợp với UBND huyện Kỳ Sơn; các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức “Hội thi tìm hiểu chính sách chi trả DVMTR” tại Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn nhằm mục đích nâng cao sự hiểu biết của người dân về chính sách chi trả DVMTR nói riêng, về vai trò, giá trị của rừng nói chung, qua đó, thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân, các chủ rừng, các cơ sở sử dụng DVMTR trong việc thực thi chính sách, góp phần bảo vệ hiệu quả và phát triển bền vững tài nguyên rừng, cải thiện sinh kế, đời sống cho cộng đồng dân cư được nhà nước giao quản lý, bảo vệ rừng. Đây cũng là cơ hội để các cộng đồng thôn/bản trình bày ý tưởng, chia sẻ thành quả trong hoạt động quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Bốn đội đến từ bốn cộng đồng tiêu biểu trong thực hiện chính sách chi trả DVMTR (xã Mỹ Lý, Mường Ải, Huồi Tụ và Tà Cạ) tham gia cuộc thi. Các đội có cơ hội trải nghiệm 04 phần thi (Chào hỏi, Kiến thức, Tài năng và Tình huống), xen giữa các phần thi là các tiết mục văn nghệ đặc sắc của các đội và khán giả.

Đặc biệt, ở phần thi tài năng, 4 tiểu phẩm được đầu tư kỹ lưỡng về nội dung, trang phục, đạo cụ liên quan đến chi trả DVMTR, công tác quản lý

bảo vệ rừng đã được thể hiện bởi 4 đội thi rất sinh động, hấp dẫn, mang đậm bản sắc văn hóa vùng miền. Các tiểu phẩm “Bảo vệ rừng là bảo vệ lá phổi của chính mình” của đội Huồi Tụ; “Chung tay bảo vệ rừng” đến từ đội Mỹ Lý; “Đốt rừng” của đội Mường Ải và “Rừng không phải của riêng ai” do đội Tà Cạ trình bày đều nhận được những sự cổ vũ nhiệt tình từ khán giả và sự đánh giá cao từ ban giám khảo.

Phần thi tình huống, đề bài là những đoạn phim tình huống ngắn và đặt ra câu hỏi về chính sách chi trả DVMTR, công tác quản lý, bảo vệ rừng, các đội thi thảo luận và trả lời câu hỏi.

Các đội tham gia cuộc thi đều rất tài năng và có sự am hiểu kỹ lưỡng về chính sách chi trả DVMTR cũng như công tác quản lý, bảo vệ rừng. Giải nhất cuộc thi thuộc về Đội Huồi Tụ, Giải nhì là Đội Tà Cạ, hai Đội Mỹ Lý và Mường Ải đồng Giải ba.

Hội thi tìm hiểu về chính sách chi trả DVMTR năm 2018 trên địa bàn huyện Kỳ Sơn đã diễn ra thành công tốt đẹp. Hội thi giúp cho người dân hiểu hơn về một số quy định, nội dung của chính sách chi trả DVMTR, các giá trị cũng như lợi ích từ rừng mang lại, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Chi trả dịch vụ dịch vụ hệ sinh thái tại Costa Rica

 *Suu tâm, Pagiola (2008); TEEB (2009)*

Chương trình PSA (Pago por Servicios Ambientales) tại Costa Rica là một chương trình quốc gia chi trả cho dịch vụ lưu trữ các bon, hệ sinh thái và bảo vệ đa dạng sinh học, cảnh quan. Chương trình này đã được ghi nhận làm giảm tỷ lệ phá rừng tại Costa Rica, từ một nước có tỷ lệ phá rừng lớn nhất thế giới đến không phá rừng vào đầu những năm 2000. Giai đoạn 1997 - 2004, khoảng US\$ 200 triệu được đầu tư vào dịch vụ hệ sinh thái để bảo vệ 460.000 ha rừng, trồng rừng và tạo thu nhập tăng thêm cho hơn 8.000 chủ rừng (TEEB 2009). PSA do FONAFIFO quản lý. Đây là đơn vị tự chủ bán phần.

Dịch vụ hệ sinh thái được hỗ trợ tài chính từ 3,5% nguồn thu thuế bán nhiên liệu hóa thạch nhưng mục tiêu là các bên hưởng lợi từ dịch vụ môi trường sẽ phải trả tiền cho dịch vụ họ được hưởng. Đồng thời, dịch vụ hệ sinh thái cũng thành công trong việc thu tiền sử dụng nước để trả cho dịch vụ quản lý rừng thượng nguồn, đa dạng sinh học và hấp thụ các bon. Tỷ lệ % tiền chi trả trực tiếp trong tổng tiền thu của chương trình sẽ tăng do áp dụng mức thu mới đối với dịch vụ nước.

Chi trả cho dịch vụ cung cấp nước. PSA dự kiến tiền thu từ các nhà máy thủy điện và các bên sử dụng nước khác sẽ chiếm tỷ lệ ít nhất trong tổng tiền thu từ dịch vụ hệ sinh thái. Tuy nhiên, do không yêu cầu về pháp lý nên FONAFIFO tự thương lượng với người sử dụng nước và đi đến thỏa thuận. Mặc dù khởi đầu chậm nhưng quá trình triển khai được duy trì tốt dựa vào chứng chỉ dịch vụ môi trường (công cụ được chuẩn hóa để chi trả cho việc bảo tồn 1 ha rừng tại một địa điểm cụ thể). Cả số lượng hợp đồng/ thỏa thuận và tổng tiền thu tăng nhanh chóng. Trước đây, người sử dụng nước chỉ trả số tiền tương đương ¼ chi phí bỏ ra để bảo tồn (dựa vào ý tưởng quản lý đầu nguồn là một trong bốn dịch vụ hệ sinh thái do rừng mang lại). Tuy nhiên, các thỏa thuận gần đây đã chi trả toàn bộ chi phí bảo tồn, ngoài chi phí hành chính của FONAFIFO.

Chi trả đa dạng sinh học. Chi trả đa dạng sinh học phần lớn nhận từ Quỹ môi trường toàn cầu (GEF). Không giống như hợp đồng chi trả nước, tài chính cho các bon không thể tái tạo được. Mọi nỗ lực hướng đến bền vững với việc tạo ra tài chính từ hoạt động du lịch địa phương chưa mang lại thành công. Điều này hoàn toàn chấp nhận được tại các nơi có thể thu được tài chính các bon hoặc quản lý nước. Tuy nhiên, phần lớn diện tích rừng còn lại (khoảng 900.000 ha) được xác định là khu vực ưu tiên cho bảo tồn đa dạng sinh học nhưng lại nằm ngoài khu vực phòng hộ và không có tiềm năng tài chính các bon hoặc thu tiền dịch vụ cung ứng nước. Quỹ cấp phát hiện đã được thành lập như một phần giải pháp.



Chi trả các bon. Sử dụng nguồn thu từ thuế xăng dầu có thể được xem như là chi trả của người sử dụng các bon cho người cung cấp dịch vụ các bon vì thuế là nghĩa vụ và vì nguồn thu được sử dụng cho dịch vụ môi trường. Mỗi liên hệ này không thực sự thuyết phục. Kể từ khi khởi động, PSA đã nỗ lực bán tín chỉ giảm phát thải các bon. Hợp đồng PSA nói rõ là FONAFIFO có quyền về giảm phát thải. FONAFIFO đã hình thành Chứng chỉ bồi hoàn (Certifiable Tradable Offset) tương đương với một tấn giảm phát thải các bon được cấp chứng chỉ. Chương trình đã thành công trong việc bán 200.000 CTOs trị giá US\$ 2 triệu cho Chính phủ Na Uy và Hiệp hội các nhà sản xuất năng lượng của Na Uy. Tuy nhiên, chưa bán thêm được một CTOs nào vì giảm phát thải chủ yếu dựa vào việc tránh phá rừng, trong khi đó chỉ có trồng mới và trồng lại rừng mới được coi là hợp lệ trong Cơ chế phát triển sạch (CDM) của Nghị định thư Kyoto. Tính đến thời điểm này Costa Rica đã bán được 0,61 triệu tấn CO2e cho Quỹ các bon sinh học của Ngân hàng thế giới, trên cơ sở nông lâm kết hợp, tái sinh tự nhiên và trồng rừng thương mại. Để thực hiện cam kết giảm phát thải theo Kyoto, PSA đang áp dụng một loại hợp đồng mới áp dụng cho tái sinh tự nhiên.

Chi trả cảnh quan. Luật lâm nghiệp đưa ra căn cứ pháp lý cho Chương trình PSA đó là cảnh quan là một dịch vụ môi trường do rừng mang lại. Hiện vẫn đang trong quá trình thỏa hiệp với các khách sạn và một công ty du lịch đường thủy cho chi trả tiền cảnh quan nên chưa có thỏa thuận nào được ký. Người sử dụng dịch vụ cảnh quan rất nhiều, nhỏ lẻ/ manh mún và việc xác định hoạt động để thu tiền DMVTR từ cảnh quan cũng rất khó.

Tác động về đa dạng sinh học

Mặc dù khó khăn trong việc tính toán tiền từ dịch vụ đa dạng sinh học vì đa dạng sinh học thường đi kèm với các dịch vụ hệ sinh thái khác, có nhiều lợi ích đa dạng sinh học liên quan đến bảo tồn rừng phục vụ quản lý đầu nguồn. Chương trình chi trả dịch vụ hệ sinh thái đã giúp làm chậm lại khai thác rừng, tăng nguồn tài chính cho rừng và đa dạng sinh học, và nâng cao hiểu biết về đóng góp kinh tế xã hội của các hệ sinh thái tự nhiên.

Xác định kết quả cụ thể của dịch vụ hệ sinh thái có thể khó khăn vì một loạt những thay đổi chính sách được đưa ra cùng lúc và khó xác định cụ thể mức độ chương trình PSA tạo ra dịch vụ hệ sinh thái. Các nghiên cứu đã xác định là các đối tượng hưởng lợi PSA có tỷ lệ rừng trên diện tích đất của họ cao hơn đối tượng không được hưởng lợi từ Chương trình này. Một nghiên cứu khác cũng đã đặt câu hỏi là kể cả khi không có Chương trình PSA thì họ vẫn bảo vệ rừng của họ.

Khả năng nhận rộng

Một số chương trình dịch vụ hệ sinh thái tại Mỹ La Tinh đang phát triển tốt, điều đó gợi mở khả năng nhận rộng loại hình dịch vụ này khi xác định rõ được bên cung cấp dịch vụ và cơ quan trung gian thúc đẩy quá trình này. Chương trình PSA của Costa Rica đã được nghiên cứu và tham vấn rất kỹ. Nhiều nước cũng đã triển khai các chương trình tương tự và thường được triển khai sau khi sửa đổi chính sách, bao gồm cả chuyển đổi từ mô hình bao cấp sang chi trả dịch vụ hệ sinh thái.

Bài học kinh nghiệm

Chương trình chi trả dịch vụ hệ sinh thái sẽ dễ giới thiệu hơn nếu được xây dựng trên cơ sở các hệ thống chi trả hiện có. Trên thực tế, chương trình PSA của Costa Rica dựa trên việc cải cách chương trình hỗ trợ lâm nghiệp hiện có. Trong những năm 1970, Costa Rica đã bắt đầu hỗ trợ trồng rừng lấy gỗ thông qua giảm thuế do lo ngại về thu hẹp nguồn cung cấp gỗ. Chúng chỉ tín chỉ rừng mở rộng Chương trình nhằm tiếp tục hỗ trợ bảo tồn rừng và sản xuất gỗ. Chương trình PSA được xây dựng trên cơ sở của Chương trình chi trả này, với 2 thay đổi lớn:

- Chi trả dựa vào cung cấp dịch vụ môi trường thay vì gỗ, và
- Tài chính cũng thay đổi từ ngân sách nhà nước sang thuế và chi trả của bên hưởng lợi.

Trong khi chương trình chi trả dịch vụ hệ sinh thái là hạt nhân phát triển của khu vực Mỹ La Tinh và Trung Mỹ, thì việc triển khai chương trình dịch vụ hệ sinh thái do bên sử dụng chi trả gặp nhiều khó khăn hơn so với các chương trình dùng ngân sách chính phủ. Điều này làm hạn chế tính bền vững của các chương trình này.

Thực hiện chương trình chi trả dịch vụ hệ sinh thái cho quản lý đầu nguồn dễ hơn đa dạng sinh học (khó đo đếm) và các bon (khó xác định đối tượng hưởng lợi).

Chi trả khác nhau và theo đối tượng một cách hiệu quả là rất quan trọng để xác định mức độ cung cấp dịch vụ và chi phí cơ hội.

Chương trình chi trả dịch vụ hệ sinh thái cần giám sát và tài liệu hóa các hoạt động tạo ra dịch vụ môi trường. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các dự án hấp thụ các bon hướng đến bán tín chỉ các bon trên thị trường các bon toàn cầu.

Do dịch vụ hệ sinh thái còn mới nên các chương trình cần phải linh hoạt và tham khảo các bài học kinh nghiệm đã có cũng như thay đổi tình huống liên tục. Kinh nghiệm của Costa Rica là rất tích cực, tuy nhiên PSA vẫn còn đã và đang trong quá trình hoàn thiện, cải tiến để đáp ứng yêu cầu thực tế.



Chuyên mục

hỏi



đáp

Hiện thực hóa việc bán tín chỉ cac-bon

Phóng viên (PV): Tín chỉ carbon được hiểu như thế nào, thưa ông?

TS Nguyễn Quốc Trị (Tổng cục trưởng Tổng cục LN Việt Nam): Tín chỉ carbon là một thuật ngữ chung cho tín chỉ có thể kinh doanh hoặc giấy phép đại diện cho một tấn carbon dioxide (CO₂) hoặc khối lượng của một khí nhà kính khác tương đương với một tấn CO₂ (tCO₂e). Trên thị trường, việc mua bán carbon hay chính xác hơn là mua bán sự phát thải khí CO₂, được thực hiện thông qua tín chỉ.

PV: Vừa qua, Quỹ Carbon/Quỹ Đối tác carbon trong lâm nghiệp của Ngân hàng Thế giới (WB) đã đưa Chương trình giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam vào danh mục và ủy thác cho WB đàm phán cụ thể thỏa thuận tài trợ với Việt Nam theo cơ chế chi trả dựa trên kết quả. Ông có thể cho biết cụ thể hơn về việc này?

TS Nguyễn Quốc Trị: Tháng 6-2017, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT và Giám đốc WB tại Việt Nam đã ký Ý định thư (LOI), theo đó WB đặt mua 10,3 triệu tấn giảm phát thải (carbon-CO₂) do Chương trình giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ tạo ra. Chi tiết về việc chi trả được nêu trong hợp đồng chi trả giảm phát thải (ERPA) do hai bên ký kết.

Tại hội nghị các nước thành viên Quỹ Carbon lần thứ 17, đoàn Việt Nam do Thứ trưởng Thường trực Bộ NN&PTNT Hà Công Tuấn làm trưởng đoàn đã bảo vệ văn kiện chương trình giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ, được hội nghị đánh giá cao về chất lượng văn kiện chương trình và ra nghị quyết thông qua, đưa vào danh mục đầu tư của quỹ.

Trong bối cảnh nguồn kinh phí của Quỹ Carbon có hạn, lựa chọn để xuất của các quốc gia để đưa vào danh mục đầu tư của quỹ được thực hiện theo nguyên tắc cạnh tranh thì Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và là một trong 8 nước trên thế giới (tính đến thời điểm này) được Quỹ Carbon thông qua văn kiện chương trình là một kết quả rất đáng khích lệ, thể hiện sự quyết tâm và nỗ lực của Bộ NN&PTNT, các tỉnh và các bên liên quan.

Nếu chúng ta thực hiện tốt thì theo tính toán, tới năm 2025, chương trình sẽ mang lại 24,6 triệu tấn giảm phát thải sau khi đã trừ 25% dự phòng. Trong đó, 10,3 triệu tấn chuyển nhượng cho WB theo ERPA, phần có lại có thể bán cho các đối tác khác. Đây chính là giá trị gia tăng của rừng không chỉ là đơn thuần về lợi ích kinh tế mà hơn nữa còn được ghi nhận là đóng góp của quốc gia đối với ứng phó biến đổi khí hậu toàn cầu theo Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu mà Việt Nam tham gia.

PV: Chủ rừng sẽ được hưởng lợi ích như thế nào đối với rừng được cấp tín chỉ carbon, thưa ông?

TS Nguyễn Quốc Trị: Chủ rừng có thể quy đổi diện tích rừng đang quản lý và bảo vệ ra lượng hấp thụ khí CO₂, ra tín chỉ carbon và có thể bán tín chỉ này tại thị trường carbon qua cơ chế giảm phát thải khí nhà kính thông qua việc nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng (REDD+). Thời điểm hiện tại, giá tạm tính là 5 USD/tấn CO₂. Nếu chủ rừng có diện tích hàng nghìn héc-ta thì lợi ích từ việc giao dịch tín chỉ carbon là không nhỏ.

PV: Thưa ông, ngoài rừng đã nằm trong Chương trình giảm phát thải vùng Trung Bộ, thời gian tới, rừng ở khu vực nào của Việt Nam sẽ được đề xuất để đưa vào danh mục đàm phán? Và chúng ta sẽ có giải pháp nào để gia tăng diện tích rừng được cấp tín chỉ carbon?

TS Nguyễn Quốc Trị: Theo lộ trình, Quỹ Carbon sẽ đóng quỹ vào năm 2025 và mỗi quốc gia chỉ được đề xuất và chọn một chương trình đưa vào danh sách đầu tư của quỹ. Như vậy, chúng ta không thể có thêm chương trình cho các vùng khác do Quỹ Carbon đầu tư. Chương trình giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ là chương trình đầu tiên của Việt Nam thực hiện theo tiếp cận chi trả dựa vào kết quả ở quy mô cấp vùng. Vì vậy, kinh nghiệm từ quá trình xây dựng văn kiện chương trình đồng, thực hiện và thanh toán chi trả chắc chắn sẽ mang lại những kinh nghiệm thực tế, bổ ích để chúng ta xây dựng các chương trình giảm phát thải cấp vùng hoặc thậm chí là cấp tỉnh với các đối tác khác; qua đó đẩy mạnh công tác giảm phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam ngày càng hiệu quả hơn.

PV: Trân trọng cảm ơn ông!



Nguyễn Kiểm/Báo QĐND

SỰ KIỆN SẮP TỚI

THÁNG 7-8/2018

- + Tổng kết thí điểm chi trả DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp tại Lào Cai, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh
- + Tập huấn xây dựng Bản đồ chi trả DVMTR cho địa phương

THÁNG 8/2018

- + Tập huấn thí điểm chi trả tiền DVMTR thông qua tài khoản ngân hàng tại Hòa Bình, Đắk Nông

THÁNG 9-10/2018

- + Hội nghị sơ kết 10 năm Nghị định 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 về Quy BV&PTR gắn với 8 năm thực hiện chính sách chi trả DVMTR (Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010)
- + Hội nghị sơ kết chi trả qua tài khoản tiền gửi ngân hàng

Vì tương lai xanh Việt Nam



TÂM NHÌN VNF

Đến năm 2020, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam phấn đấu trở thành một tổ chức tài chính Nhà nước tiên phong tại Việt Nam cũng như trong khu vực Đông Nam Á với mục tiêu hỗ trợ phát triển ngành Lâm nghiệp một cách có hiệu quả thông qua việc huy động các nguồn lực xã hội cho: Bảo vệ và phát triển rừng; Quản lý rừng bền vững; Giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu; Cải thiện sinh kế cho người làm rừng; Bảo tồn đa dạng sinh học.



QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM

Nhà A5, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 024.3724 6771 - Fax: 024. 3724 6770
www.vnff.vn

Chịu trách nhiệm nội dung và xuất bản: Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

Giấy phép xuất bản số 25/GP- XBTT ngày 29/3/2018 của cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông

Hỗ trợ biên tập, thiết kế và in ấn: Chương trình Bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái rừng tại Việt Nam, GIZ

